**TRUNG ƯƠNG HỘI CỰU GIÁO CHỨC VIỆT NAM**

**ĐIỀU LỆ HỘI CỰU GIÁO CHỨC VIỆT NAM**

***Được Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam lần thứ IV (nhiệm kỳ 2019 - 2024) thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2019***

**HÀ NỘI – 2020**

**BỘ NỘI VỤ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

 Số: 1090/QĐ-BNV

 *Hà Nội, Ngày 21 tháng 9 năm 2010*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều lệ (sửa đối, bố sung)Hội Cựu giáo chức Việt Nam.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CPngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủquy định chức năng, nhiệm vụ, quyên hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị đinh số 45/2010/NĐ-CP ngày21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Cựu giáo chức Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bốsung) Hội Cựu giáo chức Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Hội thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2009.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký,

**Điều 3.** Chủ tịch Hội Cựu giáo chức Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủvà Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:* KT. BỘ TRƯỞNG**

- Như Điều 3; **THỨ TRƯỞNG**

- Bộ trưởng (đề b/c)

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;  *Đã ký*

- Lưu: VT, TCPCP.

 **Nguyễn Tiến Dĩnh**

**CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỎI, BỎ SUNG)**

**HỘI CỰU GIÁO CHỨC VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-BNV,*

*ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

**Chương I**

**TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH**

**VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

**Điều 1. Tên gọi**

Tên gọi của Hội là: Hội Cựu giáo chứcViệt Nam (tên giao dịch bằng tiếng Anh: Veteran Teacher Association of Vietnam, viết tắt là: VTAV).

**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội**

Hội Cựu giáo chức Việt Nam là tổ chứcxã hội - nghề nghiệp của công dân Việt Nam gồm những người nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức trong các trường học, học viện, các cơ sở giáo dục và cơ quan giáo dục - đào tạo. Hội Cựu giáo chức Việt Nam được thành lập nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, phát huy truyển thống yêu nước và cách mạng, năng lực trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo,tiếp tục góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo phục vụ nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”,

Hội Cựu giáo chức Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Công sản Việt Nam.

**Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt độngcủa Hội**

1. Hội Cựu giáo chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên phạm vi cả nước,

2. Hội Cựu giáo chức Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực hoạt động của Hội, được sự bảo trợ của Công đoàn Giáo dục Việt Nam.

3. Hội hoạt động theo Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu,tài khoản ngân hàng, kho bạc, có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

5. Trụ sở của Hội Cựu giáo chức Việt Nam đặt tại Hà Nội. Khi có nhu cầu Hội sẽ mở Văn phòng đại diện tại các địa phương theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI**

**Điều 4. Nhiệm vụ của Hội**

1. Tập hợp, đoàn kết đội ngũ Cựu giáo chức cả nước phát huy tiểm năng trí tuệ tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo. Đề xuất, kiến nghị với cấp uỷ Đảng; chính quyền các cấp; các cơ quan giáo dục, đào tạo; các trường học, học viện về việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục, đào tạo.

2. Đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên, tạo điều kiện để các Cựu giáo chức tiếp tục giao lưu tình cảm nghề nghiệp, chăm sóc, giúp đỡ nhau về tinh thần, vật chất, tương trợ nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống; giữ gìn và phát huy bản chất cách mạng của dân tộc, truyền thống tốt đẹp của giáo giới Việt Nam, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

3. Hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nai, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điêu lệ Hội.

**Điều 5. Quyền hạn của Hội**

1. Đại diện cho hội viên về quan hệ đối nội, đối ngoại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội; phối hợp với các trường học, các cơ sở và cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo, các ban ngành, đoàn thể nhân dân chăm lo giáo dục thế hệ trẻ, góp phần thực hiện: “Giáo dục cho mọi người”, “Cả nước trở thành một xã hội học tập”, thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hoá giáo dục.

2. Tham gia và phát triển hợp tác quốc tế với các tổ chức cùng nghề nghiệp vì mục tiêu giáo dục, bảo vệ hoà bình và tiến bộ xã hội.

3. Được lập quỹ Hội trên sở đóng góp của hội viên, tài trợ của Nhà nước, của ngành giáo dục và đào tạo các cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tạo kinh phí cho các hoạt động của Hội.

4. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội, hoạt động dịch vụ phục vụ các nhu cầu của hội viên.

6. Tham gia ý kiến với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; tham gia các chương trình, dự án, đề tài liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hộ khi được cơ quan Nhà nước giao.

**Chương III**

**HỘI VIÊN**

**Điều 6. Điều kiện trở thành hội viên**

Công dân Việt Nam nguyên là nhà giáo, cần bộ, công chức, viên chức trong các trường học, học viện, các cơ sở giáo dục và cơ quan giáo dục, đào tạo tán thành Điều lệ Hội, không vi phạm pháp luật của Nhà nước, tự nguyện gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên của Hội.

**Điều 7. Thủ tục kết nạp hội viên**

1. Tổ chức, cá nhân vào Hội tự nguyện viết đơn gia nhập Hội. Ban Chấp hành Hội cơ sở xem xét, quyết định kết nạp và cấp thẻ hội viên. Khi hội viên muốn ra khỏi Hội phải tự mình đề nghị, được Ban Chấp hành Hội cơ sở đồng ý và thu lại thẻ hội viên.

2. Ban Chấp hành hướng dẫn thủ tục kết nạp vào Hội, ra khỏi Hội, khai trừ hội viên.

**Điều 8. Quyền của hội viên**

1. Thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng khi thảo luận các công việc của Hội; ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội; phê bình, chất vấn các cơ quan lãnh đạo hoặc cán bộ lãnh đạo của Hội; kiến nghị bãi miễn cán bộ Hội có sai phạm.

2. Yêu cầu Hội can thiệp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm; được Hội giúp đỡ khi gặp khó khăn trong cuộc sống,

3. Tham gia các sinh hoạt tư vấn, hội thảo khoa học, sinh hoạt văn hoá, thể dục, thể thao do Hội tổ chức.

**Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên**

1. Chấp hành, thực hiện Điều lệ và nghị quyết của Hội, gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước.

2. Tham gia sinh hoạt và các hoạt động của Hội, thực hiện tốt nhiệm vụ được Họi phân công.

3. Đóng hội phi, tuyên truyền phát triển hội viên mới, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

**Điều 10. Hội viên danh dự của Hội**

1, Công dân Việt Nam tích cực đóng góp công sức cho công tác giáo dục, đào tạo, nhiệt tình tham gia các hoạt động của Hội,tự nguyện xin gia nhập Hội, được Hội công nhận là hội viên danh dự của Hội.

2. Hội viên danh dự của Hội được tham gia các hoạt động của Hội, tham dự Đại hội của Hội, nhưng không tham gia ứng cử và bầu cử vào Ban Chấp hành Hội, không biểu quyết các vấn đề của Hội.

**Điều 11. Thẻ hội viên**

Thẻ hội viên do Hội Cựu giáo chức Việt Nam ấn hành và quy định việc cấp phát, quản lý theo quy định của pháp luật.

**Chương IV**

**TỎ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

**Điều 12. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

Hội Cựu giáo chức Việt Nam tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, dân chủ, công khai, tự trang trải, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và tuân thủ pháp luật, Điều lệ Hội.

**Điều 13. Tổ chức Hội**

1. Hội Cựu giáo chức được thành lập ở Trung ương, địa phương

a) Trung ương: Hội Cựu giáo chức Việt Nam.

b) Địa phương: Hội Cựu giáo chức tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tinh); Hội Cựu giáo chức quận, huyện, hị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện); Hội Cựu giáo chức xã, phường, thìtrấn (gọi chung là xã). Việc thành lập và phê duyệt Điều lệ của Hội Cựu giáo chức ở địa phương theo quy định của pháp luật;

Hội Cựu giáo chức ở địa phương tán thành Điều lệ Hội Cựu giáo chức Việt Nam và tự nguyện gia nhập được Hội Cựu giáo chức Việt Nam công nhận là Hội thành viên.

c) Hội Cựu giáo chức ở trường đại học, cao đẳng Trung ương, học viện, cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo là Hội trực thuộc Hội Cựu giáo chức Việt Nam.

2. Tổ chức của Hội Cựu giáo chức Việt Nam

a) Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu hội viên.

b) Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

c) Ban Kiểm tra.

d) Văn phòng Hội, các ban chuyên môn.

đ) Các đơn vị trực thuộc Hội: tạp chí, trung tâm được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Đại hội toàn thế hoặc Đại hội đại biểu**

1. Đại hội là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Hội, được tổ chức theo nhiệm kỳ 5 năm một lần. Đại hội được coi là hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

2. Nhiệm vụ chính của Đại hội nhiệm kỳ:

a) Thông qua Điều lệ hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

b) Thảo luận báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ Đại hội;

c) Thảo luận góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành;

d) Bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra. Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định;

đ) Suy tôn Chủ tịch danh dự của Hội;

e) Thảo luận và thông qua nghị quyết của Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội. Đại hội quyết định hình thức biểu quyết

bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên một nửa (1/2) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

4. Ban Chấp hành có thể triệu tập Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc theo để nghị của trên một nửa tổng số hội viên chính thức;

b) Theo yêu cấu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Công văn triệu tập Đại hội đại biểu phải nêu rõ chương trình nghị sự và gửi đại biểu ít nhất hai tuần trước ngày họp. Triệu tập Đại hội toàn thế phải được thông báo đầy đủ đến các hội viên.

6. Nhiệm vụ chính của Hội nghị tổng kết hàng năm:

a) Thảo luận báo cáo tổng kết công tác năm cũ và kế hoạch công tác năm mới của Hội;

b) Tổng kết, khen thưởng và nêu gương các điển hình hoạt động có hiệu quả của Hội;

c) Thảo luận, duyệt quyết toán năm cũ, kế hoạch tài chính năm mới;

d) Thảo luận và biểu quyết các vấn đề do Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra hoặc hội viên đề xuất.

**Điều 15. Ban Chấp hành**

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội trong nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế, họp ít nhất mỗi năm một lần, các kỳ họp Ban Chấp hành hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành. Các quyết định và nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua bằng biểu quyết và chỉ có hiệu lực khi có trên một nửa (1/2) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành dự họp tán thành.

2. Ban Chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Bầu Ban Thường vụ và các chức danh lãnh đạo của Hội: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số uỷ viên Ban Thường vụ. Ban Chấp hành quyết định bầu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín;

b) Quyết định kế hoạch và các biện pháp thực hiện nghị quyết của Đại hội, giải quyết các vấn đề phát sinh trong nhiệm kỳ Đại hội;

c) Quyết định chương trình công tác hàng năm hoặc chương trình công tác giữa hai kỳ họp của Ban chấp hành và kiểm điểm việc thực hiện;

d) Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, quy chế sử dụng tài chính của Hội, quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội;

đ) Phê duyệt các tổ chức được thành lập theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Thông qua kế hoạch, quyết toán tài chính hàng năm và nhiệm kỳ;

g) Bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành trong nhiệm kỳ Đại hội nhưng không quá một phần ba (1/3) tổng số Ủy viên do Đại hội quy định;

h) Quyết định triệu tập Đại hội, thông qua chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, nhân sự trình Đại hội.

**Điều 16. Ban Thường vụ**

1. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số Ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ không quá một phần ba (1/3) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Ban Thường vụ chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành, điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành, báo cáo hoạt động của Ban Thường vụ tại hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ Hội cử ra Thường trực gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số Ủy viên để điều hành các công việc giữa các kỳ họp của Ban Thường vụ.

4. Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ họp ít nhất sáu tháng một lần.

**Điều 17. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội**

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật và là chủ tài khoản của Hội;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội, hội nghị toàn thể và các nghị quyết của Ban Chấp hành;

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành;

d) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, hội viên và pháp luật về các hoạt động của Hội;

đ) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo đề nghị của Tổng Thư ký hoặc nghị quyết của Ban Thường vụ và được sự nhất trí của Ban Chấp hành; ký quyết định bổ nhiệm, bãi miễn nhân sự các tổ chức trực thuộc Hội và các ban chuyên môn của Hội.

2. Phó Chủ tịch Hội là người giúp Chủ tịch trong công tác quản lý và điều hành Hội; được Chủ tịch uỷ nhiệm, phân công trực tiếp phụ trách và điều hành một số công việc của Hội; triệu tập, chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Hội khi Chủ tịch vắng mặt.

**Điều 18. Tổng Thư ký Hội**

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu, có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Tổ chức, điều hành các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội; đại diện Hội trong quan hệ giao dịch với các cơ quan, đoàn thể và các tổ chức khác.

b) Chuẩn bị báo cáo tại các kỳ họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, hội nghị tổng kết hàng năm, Đại hội nhiệm kỳ.

c) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, quản lý hồ sơ, tài liệu giao dịch, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội.

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội về hoạt động của Văn phòng Hội.

2. Giúp Tổng Thư ký thực hiện một số công việc nêu trên có thể có Phó Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký do Chủ tịch Hội chỉ định.

**Điều 19. Văn phòng Hội**

1. Tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của Văn phòng Hội do Ban Chấp hành phê duyệt.

2. Cán bộ, nhân viên của Văn phòng là những người có trình độ chuyên môn về công tác văn phòng, có nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm trong công tác Hội, được tuyển dụng theo hợp đồng dài hạn, ngắn hạn, được hưởng lương hoặc phụ cấp trách nhiệm theo quy định của Hội.

**Điều 20. Ban Kiểm tra**

1. Ban Kiểm tra của Hội do Đại hội bầu gồm Trưởng ban và một số Ủy viên, Ban Kiểm tra có từ ba (3) đến năm (5) Ủy viên, do Đại hội quyết định.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội và hội viên trong việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội;

b) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội;

c) Phối hợp với Ban Thường vụ hoặc cơ quan quản lý của Nhà nước để giải quyết tranh chấp nội bộ, các đơn, thư khiếu nại của hội viên, tổ chức Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; báo cáo kết quả giải quyết để Ban Thường vụ thông báo đến tổ chức Hội và hội viên.

3. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, các Ủy viên Ban Kiểm tra không phải là Ủy viên Ban Chấp hành được mời dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội.

**Chương V**

**TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

**Điều 21. Tài chính và tài sản của Hội**

1. Các khoản thu của Hội bao gồm:

a) Hội phí hàng năm do hội viên đóng góp theo quy định;

b) Kinh phí hỗ trợ hàng năm của Uỷ ban nhân dân và ngành giáo dục và đào tạo các cấp (nếu có);

c) Kinh phí thu từ các đề tài khoa học, đặc biệt là đề tài về khoa học giáo dục, đào tạo của ngành giáo dục và đào tạo do Nhà nước, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao;

d) Các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

e) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội bao gồm:

a) Chỉ các hoạt động của Văn phòng Hội, hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, hội nghị chuyên đề, Đại hội;

b) Chi các hoạt động thông tin, tuyên truyền;

c) Chi lương, khen thưởng thi đua;

d) Chi các hoạt động của Ban Kiểm tra;

đ) Chi các hoạt động quan hệ quốc tế.

3. Các khoản thu, chi của Hội bảo đảm đúng nguyên tắc, đúng mục đích, bảo đảm đúng các quy định của Hội và Nhà nước về quản lý tài chính.

4. Tài sản của Hội

a) Trụ sở, trang thiết bị Văn phòng của Hội có thể do cơ quan quản lý nhà nước, ngành giáo dục và đào tạo, Uỷ ban nhân dân các cấp tạo điều kiện;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân tặng;

c) Hội được nhận, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

5. Ban Chấp hành Hội quy định quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài chính, tài sản của Hội đúng với quy định của Nhà nước và cơ quan tài chính.

Việc kiểm tra tài chính, tài sản hàng năm của Hội đều được báo cáo công khai trong hội nghị Ban Chấp hành, hội viên và được tổng kết báo cáo trong Đại hội nhiệm kỳ.

**Chương VI**

 **CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI**

**Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội**

1. Việc chia, tách, hợp nhất; sáp nhập; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ "Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội” và các văn bản hướng dẫn thi hành, nghị quyết Đại hội của Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp Hội tự giải thể theo nghị quyết của Đại hội. Nghị quyết giải thể Hội phải được ít nhất từ trên một nửa (50%) tổng số hội viên hoặc đại biểu chính thức biểu quyết thông qua.

3. Khi chia, tách, hợp nhất; sáp nhập; giải thể Hội thì phải tiến hành kiểm kê tài chính, tài sản chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện các thủ tục, giải quyết theo quy định pháp luật.

**Chương VII**

**KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

**Điều 23. Khen thưởng**

Tổ chức Hội, cán bộ, hội viên có thành tích trong các hoạt động của Hội được Hội khen thưởng và được đề nghị Nhà nước khen thưởng.

Điều 24. Kỷ luật

Các hội viên hoạt động trái với Điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự, quyền lợi của Hội phải chịu kỷ luật của Hội từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ khỏi Hội, trường hợp vi phạm nghiêm trọng, phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về kỷ luật Hội.

**Chương VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Hội Cựu giáo chức Việt Nam thông qua và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định phê duyệt.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm 8 Chương 26 Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Cựu giáo chức Việt Nam lần thứ II thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2009 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Ban Chấp hành Hội Cựu giáo chức Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Điều lệ này./.

**HỘI CỰU GIÁO CHỨC VIỆT NAM**

**HỘI CỰU GIÁO CHỨC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: 71/2020/HD-CGCVN *Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2020*

**HƯỚNG DẪN**

**THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA ĐIỀU LỆ HỘI CỰU GIÁO CHỨC VIỆT NAM**

Đại hội Đại biểu Hội Cựu Giáo chức Việt Nam lần thứ IV (nhiệm kỳ 2019 - 2024) được tổ chức vào tháng 11 năm 2019 tại Hà Nội. Đại hội đã nhất trí giữ nguyên Điều lệ Hội Cựu Giáo chức Việt Nam được Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 1090/QĐ- BNV ngày 21 tháng 9 năm 2010. Ban Chấp hành Hội Cựu Giáo chức Việt Nam (Khóa IV) hướng dẫn thực hiện một số Điều của Điều lệ Hội như sau.

**Chương I**

**TÊN GỌI, TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội**

1. Hội Cựu Giáo chức là tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

a) Hội Cựu Giáo chức Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các công dân Việt Nam nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên phục vụ đã công tác tại các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý, đơn vị giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến khi nghỉ hưu, nghỉ làm việc hoặc chuyển sang cơ quan, tổ chức khác rồi nghỉ hưu, nghỉ làm việc theo quy định của Nhà nước.

b) Hội Cựu Giáo chức được thành lập nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; phát huy truyền thống yêu nước, năng lực, phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo để hỗ trợ phát triển giáo dục, đào tạo, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Hội Cựu Giáo chức là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hội Cựu Giáo chức Việt Nam chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hội Cựu Giáo chức ở các địa phương và Hội ở các học viện, cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị giáo dục chịu sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp.

Sau khi thành lập, Hội Cựu Giáo chức ở địa phương cần làm việc với Mặt trận Tổ quốc cùng cấp về việc công nhận tổ chức thành viên.

**Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội**

1. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội, Hội Cựu Giáo chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên phạm vi cả nước; Hội Cựu Giáo chức ở địa phương hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên phạm vi địa phương. Hội Cựu Giáo chức tham gia các hoạt động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

2. Về quản lý nhà nước đối với Hội. Hội Cựu Giáo chức Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ; Hội Cựu Giáo chức ở địa phương chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ; Hội Cựu Giáo chức ở học viện, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan quản lý, đơn vị giáo dục ở Trung ương chịu sự quản lý của cơ quan quản lý cùng cấp.

3. Về sự bảo trợ của tổ chức Công đoàn Giáo dục.

Hội Cựu Giáo chức Việt Nam được sự bảo trợ của Công đoàn Giáo dục Việt Nam. Hội Cựu Giáo chức cấp tỉnh được sự bảo trợ của Công đoàn Giáo dục tỉnh; Hội cấp huyện cần tranh thủ sự hỗ trợ của Liên đoàn Lao động cấp huyện trong hoạt động của Hội.

Hội Cựu Giáo chức các học viện, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được sự bảo trợ của Công đoàn Giáo dục cùng cấp.

Nội dung bảo trợ của Công đoàn Giáo dục, hỗ trợ của Liên đoàn Lao động huyện đối với Hội cùng cấp do hai bên thống nhất để thực hiện.

**Chương III**

**HỘI VIÊN**

**Điều 6. Điều kiện trở thành hội viên**

Công dân Việt Nam nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên phục vụ đã công tác tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, cơ quan quản lý, đơn vị giáo dục đến khi nghỉ hưu, nghỉ làm việc hoặc chuyển sang cơ quan, tổ chức khác rồi nghỉ hưu, nghỉ làm việc theo quy định của Nhà nước; không bị hạn chế quyền công dân theo quy định của pháp luật; tán thành Điều lệ Hội đều có thể trở thành hội viên Hội Cựu Giáo chức.

**Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên**

1. Chấp hành Điều lệ Hội, các nghị quyết của Hội và gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước.

2. Đóng hội phí theo quy định; tự giác tham gia sinh hoạt và thực hiện nhiệm vụ được phân công, tích cực vận động phát triển hội viên mới và tham gia xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

Khi di chuyển chỗ ở, Hội viên có thể đề nghị tiếp tục tham gia sinh hoạt tại nơi chuyển đến sau khi làm thủ tục chuyển sinh hoạt Hội; hội viên có thể tham gia sinh hoạt Hội tại cơ sở giáo dục hoặc nơi cư trú.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

**Điều 13. Tổ chức Hội**

1. Về thành lập tổ chức Hội.

a) Hội Cựu Giáo chức được thành lập ở Trung ương và địa phương.

- Ở Trung ương: Hội Cựu Giáo chức Việt Nam.

- Ở địa phương: Hội Cựu Giáo chức các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Hội các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện), Hội các xã, phường, thị trấn (cấp xã).

Hội Cựu Giáo chức cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trình Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh uỷ quyền cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện cho phép thành lập Hội ở các đơn vị hành chính cấp xã có từ mười hội viên trở lên.

- Hội Cựu Giáo chức Việt Nam có các Hội thành viên và Hội trực thuộc bao gồm:

+ Hội Cựu Giáo chức cấp tỉnh tán thành Điều lệ Hội Cựu Giáo chức Việt Nam và tự nguyện gia nhập thì được công nhận là Hội thành viên của Hội Cựu Giáo chức Việt Nam.

+ Hội Cựu Giáo chức các học viện, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Trung ương quản lý, Hội cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo là Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam.

Theo quy định tại Kết luận số 102- KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ Chính trị “Về hội quần chúng”, khi lập hồ sơ đề nghị thành lập Hội Cựu Giáo chức ở địa phương, Ban vận động thành lập cần lập văn bản khẳng định việc tán thành Điều lệ Hội Cựu Giáo chức Việt Nam thay cho việc dự thảo Điều lệ riêng như quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ "Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội”.

b) Về việc thành lập Chi hội Cựu Giáo chức.

Chi hội là các bộ phận trực thuộc Hội cấp tỉnh, cấp huyện và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam, được lập ra để trực tiếp tổ chức, quản lý sinh hoạt Hội của hội viên.

Hội Cựu Giáo chức cấp tỉnh và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam quyết định lập Chi hội ở các cơ sở chưa có Hội hoặc chưa đủ điều kiện thành lập Hội:

- Các Hội Cựu Giáo chức cấp tỉnh quyết định lập các Chi hội trực thuộc Hội cấp mình và các Chi hội trực thuộc Hội cấp huyện theo đề nghị của Hội cấp huyện;

Các Hội Cựu Giáo chức trực thuộc quyết định thành lập Chi hội ở các cơ sở chưa có Hội hoặc chưa đủ điều kiện thành lập Hội.

2. Về thời gian đại hội và chế độ hội họp của Hội.

a) Đại hội của Hội Cựu Giáo chức được tổ chức 5 năm một lần.

Các Hội thành viên và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam tổ chức đại hội trong vòng mười hai tháng trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội Cựu Giáo chức Việt Nam.

b) Các kỳ họp định kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Cựu Giáo chức thực hiện như sau:

Ban Chấp hành Hội thành viên và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam họp thường kỳ sáu tháng một lần; Ban Thường vụ họp thường kỳ ba tháng một lần.

Các Hội thành viên và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam quy định số lần họp thường kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội cấp huyện, cấp xã và chế độ hội họp ở các Chi hội cho phù hợp thực tế ở địa phương, đơn vị mình.

c) Hằng năm, các Hội trực thuộc, Hội cấp tỉnh và Hội cấp huyện tổ chức hội nghị Ban Chấp hành (Hội cấp xã tổ chức hội nghị toàn thể hoặc đại biểu hội viên) để tổng kết công tác năm, kết quả công tác từ đầu nhiệm kỳ và đề ra nhiệm vụ cho thời gian tiếp theo.

**Chương V**

**TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

**Điều 21. Tài chính và tài sản của Hội**

1. Tài chính và tài sản của Hội.

Điều lệ Hội Cựu Giáo chức Việt Nam đã quy định về tài chính và tài sản của Hội. Hội Cựu Giáo chức cần đề nghị Uỷ ban nhân dân và các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo về việc hỗ trợ kinh phí, trụ sở và phương tiện làm việc.

2. Các khoản thu của Hội.

a) Nộp hội phí là nghĩa vụ của hội viên. Về mức thu và tỷ lệ điều tiết hội phí, Hội Cựu Giáo chức Việt Nam hướng dẫn cụ thể như sau:

- Mức hội phí của mỗi hội viên là 100.000 đồng/năm, khuyến khích hội viên đóng góp hội phí cao hơn mức quy định. Các Hội thành viên và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam quy định việc miễn, giảm hội phí đối với hội viên có hoàn cảnh khó khăn.

Các Hội thành viên và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam không trích nộp hội phí về Trung ương Hội.

Việc trích nộp hội phí ở Hội các địa phương, quy định như sau:

+ Trích 70% tổng số hội phí thu được để lại chi cho hoạt động của Hội cấp xã;

+ Trích nộp về Hội cấp huyện 20% và nộp về Hội cấp tỉnh 10% tổng số hội phí thu được.

- Các Hội thành viên và Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam hướng dẫn việc trích nguồn hội phí và các nguồn thu hợp pháp khác để lập quỹ khen thưởng cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị mình.

- Các Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam quy định tỷ lệ trích hội phí từ các Chi hội nộp lên Hội để chi cho các hoạt động.

b) Ngoài hội phí, Hội Cựu Giáo chức được tiếp nhận sự hỗ trợ kinh phí và cơ sở vật chất từ Ủy ban nhân dân, cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo và các tổ chức khác; kinh phí cấp để thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao; tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

c) Về hỗ trợ kinh phí từ Ngân sách Nhà nước đối với Hội.

Hằng năm, Hội Cựu Giáo chức cấp tỉnh cần chủ động đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quyết định số 21/2003/QĐ-TTg ngày 29/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước".

Các Hội trực thuộc Hội Cựu Giáo chức Việt Nam cần chủ động đề nghị với cơ quan quản lý cùng cấp hỗ trợ kinh phí, phương tiện làm việc.

d) Hội Cựu Giáo chức được lập quỹ từ nguồn đóng góp tự nguyện và các nguồn tài trợ hợp pháp khác để chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho hội viên và chi phí cho các hoạt động khác. Việc lập và quản lý quỹ của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Các Chương II, VI, VII, VIII, thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 147/HD/2010/CGC ngày 18 tháng 12 năm 2010 của Hội Cựu Giáo chức Việt Nam.

**Nơi nhận: CHỦ TỊCH**

- Bộ Nội vụ (để b/c);

- Các UVBCH (để thực hiện); Đã ký

Các Hội thành viên, trực thuộc;

- Lưu: VP Hội. **GS.TSKH.NGND Nguyễn Mậu Bành**